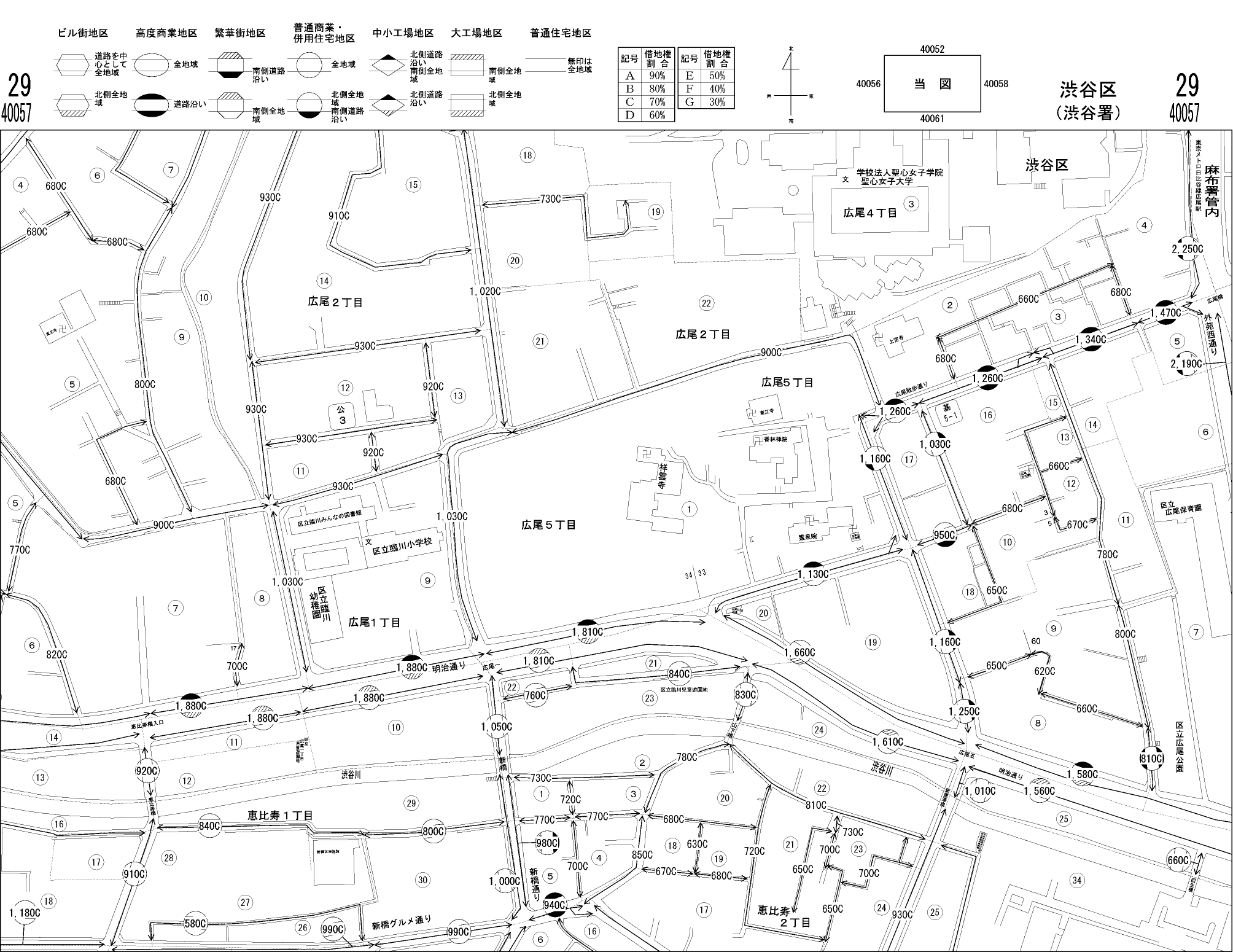
ビル街地区
高度商業地区
繁華街地区
普通商業・併用住宅地区
中小工場地区
大工場地区
普通住宅地区
道路を中心として全地域
北側全地域
全地域
道路沿い
南側道路沿い
南側全地域
北側全地域
北側道路沿い
南側全地域
北側全地域
北側道路沿い
南側全地域
北側全地域
無印は全地域
記号 借地権割合
A 90%
B 80%
C 70%
D 60%
E 50%
F 40%
G 30%
北
西
東
南
40052
40056
当図
40058
40061
渋谷区
（渋谷署）
29
40057
29
40057
広尾４丁目
広尾２丁目
広尾５丁目
広尾１丁目
恵比寿１丁目
恵比寿２丁目
学校法人聖心女子学院
聖心女子大学
聖心女子大学
渋谷区
麻布署管内
東京メトロ日比谷線広尾駅
外苑西通り
広尾橋
広尾散歩通り
祥雲寺
区立臨川小学校
区立臨川みんなの図書館
区立臨川幼稚園
区立臨川児童遊園地
区立広尾保育園
区立広尾公園
明治通り
新橋通り
新橋グルメ通り
渋谷川
恵比寿橋入口
新橋
広尾一
広尾五
680C
930C
910C
730C
1,020C
930C
900C
800C
920C
930C
930C
680C
900C
770C
1,030C
820C
700C
1,880C
1,880C
1,880C
1,810C
1,810C
760C
840C
830C
1,050C
920C
730C
720C
770C
770C
980C
700C
1,000C
940C
840C
800C
910C
1,180C
580C
990C
990C
680C
850C
670C
630C
680C
720C
810C
730C
700C
650C
700C
650C
930C
660C
680C
1,470C
1,340C
2,250C
2,190C
680C
1,260C
1,260C
1,030C
1,160C
660C
680C
950C
670C
780C
1,130C
650C
1,160C
1,660C
650C
620C
660C
1,250C
1,610C
1,580C
1,010C
1,560C
810C
660C
基5-1